

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CIO	7:25	22	0		22	0	
2		CIO+TD1	9:25	4+17	0+0		4+18	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2023	TO: CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	83	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	86	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN CÔNG PHU	CLO	82	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	71	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	80	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	78	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	76	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	77	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MINH TUNG	CLO	81	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ VĂN BẠC	CLO	85	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	79	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN KIM HUNG	CLO	75	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN HIẾU	CLO	72-73	2	20		75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THẾ CÔNG	CLO	74	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN VINH	CLO	87	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
16	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	CLO	88	1	4		60	YTE	Vietnamese
17	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	84	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	CLO	91-92	2	12	25	88	CODIEN	Vietnamese
19	TRỊNH NGỌC TỬ	CLO	93	1	10	80	75	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	CLO	89	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN MINH TUNG	CLO	90	1	14		75	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG SƠN	CLO	94-95	2	16		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	25	175	1.607	105	22		
TOTAL		22	25	175	1.607	105	22		
WEIGHT KG				175	1.607	105			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pe lây 8MF rôi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2023	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	26	1	5		69	PSV	Vietnamese
2	HOANG HUU THU	CLO	87	1	5		74	PSV	Vietnamese
3	NGÔ THẾ ANH	CLO	90	1	6		65	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	88	1	3		77	PSV	Vietnamese
5	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	89	1	5		52	PSV	Vietnamese
6	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	40	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	41	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
9	MAI XUÂN TÙNG	TD1	42	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN MINH	TD1	38	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HẢI	TD1	43	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUANG SÁNG	TD1	44	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	46	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	STESHIN VALERIY*	TD1	45	1	15		167	KHOAN	Russian
15	LÊ VĂN NGỌC	TD1	31	1	3		77	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	35	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	34	1	3		55	PSV	Vietnamese
18	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	32	1	3		68	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	TD1	33	1	3		80	PSV	Vietnamese
20	ĐẠU VIỆT BẮC	TD1	37	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG	TD1	36	1	6		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	5	24	337	0	4		
2	TD1	16	16	76	1.163	0	18		
TOTAL		21	21	100	1.500	0	22		
WEIGHT KG				100	1.500	0			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD2	7:25	12+10	0+0		12+10	0+0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		P9+P3	9:25	20+0	0+0		17+4	0+0	
4		TD1+TD2	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
5		P8+C10+TD2	11:25	3+11+6	0+0+0		2+1+19	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD3 - TD2	CREW: CHIẾN - ĐNam - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	23	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	01	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ SỸ HÙNG	TD3	21	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ KIM HAI	TD3	24	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3	18	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
7	DƯƠNG HOANG LONG	TD3	20	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	22	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	27-28	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	TD3	25-26	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN THUẬN	TD3	19	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ TRỌNG HAI	TD2	08-09	2	15	75	80	YTE	Vietnamese
13	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	02-04	3	12		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	05	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	06-07	2	7		81	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TRUNG HIỆU	TD2	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	500	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
19	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	10	1	6	33	70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HỮU HẬU	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	11	1	4		100	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	12	85	774	0	12		
2	TD2	10	12	58	750	108	10		
TOTAL		21	24	143	1.524	108	22		
WEIGHT KG				143	1.524	108			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2023	TO: TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Toan	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BAO TOAN	TD5	22-24	3	26		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN PHONG	TD5	04	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	31	1	8	43	90	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	21	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	01	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	30	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HOANH VU	TD5	25	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC DANH	TD5	26	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	LE HOANG BAO AN	TD5	02	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÀU TRỌNG HOANG	TD5	27-29	3	17		66	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	18	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	17	1	4		52	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	13	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN KHAI	TD5	16	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN PHUNG QUÊ	TD5	19	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
16	GILEMKHANOV RUSLAN	TD5	03	1	8		84	KHOAN	Russian
17	LE VAN NGUYEN	TD5	20	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KHANH	TD5	11-12	2	20		54	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HỒNG DUY	TD5	05-06	2	25		67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁC THƠ	TD5	07-08	2	23		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CONG	TD5	14-15	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM TUAN ANH	TD5	09-10	2	24		48	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	31	231	1.570	43	22		
TOTAL		22	31	231	1.570	43	22		
WEIGHT KG				231	1.570	43			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: P9 - P3	CREW: CHIẾN - ĐNam - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P9					81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P9					69	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN LÊ KIẾN	P9	17	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẬU VĂN MINH	P9					77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P9	12	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC QUANG	P9	23-24	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG NHẬT QUANG	P9	10	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	P9	22	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN TUYẾN	P9					62	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	P9	19	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGỌC TỬ	P9	13	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN HÒA	P9	07-08	2	11		78	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHĨA	P9	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P9	20	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LUÂN	P9	18	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG TIẾN	P9	21	1	15		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUY	P9	14-16	3	20		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH XUÂN TOÀN	P9	25-26	2	10		59	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HOÀNG	P9	27	1	9	20	90	T-TIN	Vietnamese
20	VÕ ĐỨC NGHĨA	P9	09	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	20	21	130	1.413	20	17		
2	P3	0	0	0	0	80	4		
TOTAL		20	21	130	1.413	100	21		
WEIGHT KG				130	1.413	100			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Điền VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2023	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Toan	ETA: 11:45
CAM - 2			

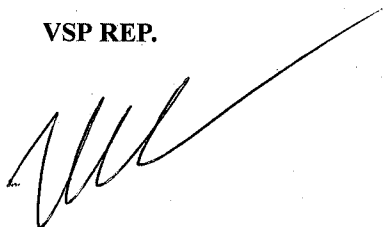
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ QUANG QUYỀN	TD1	98	1	8		97	PSV	Vietnamese
2	CAO ĐẶC DÂN	TD1	900-99	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG	TD1	96-97	2	15		61	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THANH	TD1	91-93	3	15		65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD1	89-90	2	26	24	67	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	TD1	94-95	2	18		50	CODIEN	Vietnamese
7	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	33-34	2	4		57	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ VĂN HUNG	TD2	29	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH TUÂN DUYỀN	TD2	18-19	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUÂN	TD2	36	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	22	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HẢI	TD2	31-32	2	20		68	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN CHÍNH	TD2				40	86	KHOAN	Vietnamese
14	VUONG ĐÌNH LIÊN	TD2	26	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGỌC DUNG	TD2	35	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC HOÀN	TD2	23-24	2	14		83	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG THÔNG TRÍ MẠN	TD2	20-21	2	13		61	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGỌC ĐO	TD2	25	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	28	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
20	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	30	1	3	81	80	KHOAN	Vietnamese
21	CAO VĂN LỢI	TD2	27	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HUY DUNG	TD2	40	1	2		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	12	100	412	24	0		
2	TD2	16	20	105	1.151	121	22		
TOTAL		22	32	205	1.563	145	22		
WEIGHT KG				205	1.563	145			

GRAND TOAL: 1.913 KGS

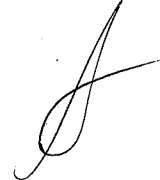
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2023	TO: P8 - CLO - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Thành	ETA: 13:50
XANH - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG AN	P8	400	1	11	24	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TRI	P8	01	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THAI SON	P8	99	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUNG PHONG	CLO	93	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
5	PHI DUY HOAN	CLO	94	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VU QUOC	CLO	06	1	7		63	DVL	Vietnamese
7	TRAN VAN NGHIA	CLO	05	1	15		85	DVL	Vietnamese
8	LUU DINH TRONG	CLO	97	1	14		81	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THU	CLO	01	1	14		65	DVL	Vietnamese
10	ĐANG TRỌNG THỨC	CLO	401	1	11		70	DVL	Vietnamese
11	DƯƠNG BÀ VINH	CLO	99,400	2	19		86	DVL	Vietnamese
12	BUI HUY BANG	CLO	98	1	12		74	DVL	Vietnamese
13	NGO KHAC VIET	CLO	03-04	2	18		70	DVL	Vietnamese
14	LE DUY LAN	CLO	95-96	2	13		65	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	TD2	47	1	8	2	72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	48-49	2	10	10	60	KHOAN	Vietnamese
17	DEMIN YURIY	TD2	43	1	9		101	KHOAN	Russian
18	VÔ THANH NHẬT	TD2	46	1	9		80	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH THAI	TD2	45	1	5		102	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN CHỈ TÀI	TD2	44	1	4		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	3	30	226	24	2		
2	CLO	11	14	147	799	0	1		
3	TD2	6	7	45	491	12	19		
TOTAL		20	24	222	1.516	36	22		
WEIGHT KG				222	1.516	36			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK5	7:25	21+1	0+0		9+13	0+0	
2		RC6+RCDM+RC4	7:25	7+10+5	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
3		TD3+RC5	7:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
4		RP3	9:25	22	0		22	0	
5		VSP02	9:25	22	0		22	0	
6		TD2+RP1	9:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
7		TD5+RP1+RC4	11:25	7+15+0	0+0+0		6+11+4	0+0+0	
8		CTK3+TD3+P7	11:25	8+13+0	0+0+0		3+9+10	0+0+0	
9		RC5+RP3	11:25	7+12	0+0		4+18	0+0	
10		RC10+RC6+VSP02	13:25	2+9+7	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày RC6-3ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	TO: TD5 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GIMRANOV MAXIM	TD5	35	1	5		90	VTB	Russian
2	KHUAT NGOC THANG	TD5	54	1	15		75	SEAMAP	Vietnamese
3	PHAM NGOC HUNG	TD5	55-57	3	15		72	SEAMAP	Vietnamese
4	DAVYDOV DANIIL	TD5	43	1	5	148	67	KHOAN	Russian
5	CHUSH MAKSIM	TD5	44	1	5		104	KHOAN	Russian
6	NGUYEN XUAN THE	TD5	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN THIEU	TD5	49	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	VY HUNG CUONG	TD5	41	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	MAI TRUONG TRUNG	TD5	46-47	2	14		63	KHOAN	Vietnamese
10	DOAN MINH TIEN	TD5	42	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	BUI XUAN KHOA	TD5	52-53	2	15		56	KHOAN	Vietnamese
12	LE TIEN DUONG	TD5	39	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	HA VAN PHUC	TD5	36	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
14	MAI DAI HAI	TD5	38	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGUYEN THANH MINH	TD5	37	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DANG KHOI	TD5	40	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
17	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	48	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN LOI	TD5	51	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	DOAN TRUNG KIEN	TD5	50	1	5		63	PSV	Vietnamese
20	PHAN XUAN HOA	BK5				10	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	23	146	1.404	148	9		
2	BK5	1	0	0	70	10	13		
TOTAL		20	23	146	1.474	158	22		
WEIGHT KG				146	1.474	158			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC6 - RCDM - RC4	CREW: Nam - Son - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN MANH	RC6				10	81	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH BA DONG	RC6				16	64	KH-THAC	Vietnamese
3	SMIRNOV	RC6	83	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	LE DINH THANG	RC6	84-85	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE ANH	RC6	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC THIEN	RC6	87	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUONG	RC6	82	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	78-79	2	7	55	75	KH-THAC	Vietnamese
9	HO MINH HIEN	RCDM	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH VAN CONG	RCDM	69	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TRONG HIEU	RCDM	70	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC DUNG	RCDM	80	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH CONG	RCDM	74	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DINH TAM	RCDM	73	1	14		79	XAYLAP	Vietnamese
15	VUONG MAI	RCDM	71-72	2	18	30	65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN HUAN	RCDM	66	1	5		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TRUNG	RCDM	68	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG MINH	RC4	44	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TUNG	RC4	59	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG MINH DUNG	RC4					75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HAI ANH	RC4	62	1	5	23	75	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	99	1	3		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	6	47	536	26	1		
2	RCDM	10	12	82	705	85	9		
3	RC4	5	4	19	354	23	12		
TOTAL		22	22	148	1.595	134	22		
WEIGHT KG				148	1.595	134			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	TO: TD3 - RC5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cường - THỤ	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD3	40-41	2	10		65	D-HANH	Vietnamese
2	KHOROTKOV VICTOR	TD3	29	1	5		125	KHOAN	Russian
3	GUSEYNOV MAXIM	TD3	31	1	6		77	KHOAN	Russian
4	BUI HỮU VŨNG	TD3	32	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU VĂN SƠN	TD3	43	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	42	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ THANH HAI	TD3	33	1	7		97	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TRƯỞNG ANH	TD3	36	1	2		91	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	38	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM TIỀN CHUNG	TD3	34-35	2	13		83	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH THẮNG	TD3	37	1	7		130	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD3	30	1	15		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD3	39	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC5	78-79	2	25		68	KH-THAC	Vietnamese
16	KYPPIACOB B.A.	RC5	70	1	5		72	KH-THAC	Russian
17	TRỊNH VĂN TIỀN	RC5	76-77	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC5	69	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TRUNG	RC5	75	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KIỂM BẠC	RC5	71-72	2	19		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG PHÚC	RC5	73-74	2	20		82	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH THÂN	RC5	67-68	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

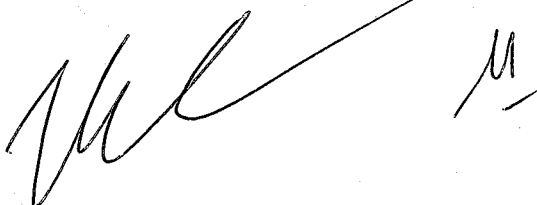
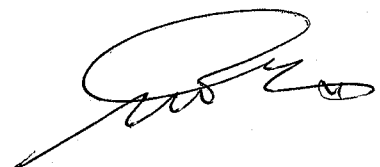
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	15	104	1.168	0	10		
2	RC5	8	13	104	573	0	12		
TOTAL		22	28	208	1.741	0	22		
WEIGHT KG				208	1.741	0			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: RP3	CREW: CHIÊN - NPhú - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RP3	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVDCHBKV	RP3	24	1	5		90	KH-THAC	Russian
3	MAI NGOC THIET	RP3	18	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	15	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ANH SON	RP3	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG QUANG THUONG	RP3	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ DUY TIEN	RP3	25	1	5	80	80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CONG	RP3	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG VAN THUONG	RP3	08-10	3	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HONG HIET	RP3	26-27	2	19		50	KHI	Vietnamese
12	TRAN THANH SON	RP3	21-23	3	15		75	KHI	Vietnamese
13	BUI HUY TIEN	RP3	19-20	2	15		70	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN DUONG	RP3	13	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG HUY	RP3	04	1	5		60	KHI	Vietnamese
16	TRAN VAN MINH	RP3	11	1	5		95	YTE	Vietnamese
17	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN ANH	RP3	02	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CONG	RP3	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LE ĐỨC OANH	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG HAI	RP3	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	27	144	1.559	80	22		
TOTAL		22	27	144	1.559	80	22		
WEIGHT KG				144	1.559	80			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: VSP02	CREW: XHOÀN - Nam - MQUÂN	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YANDYANB EDUARD	VSP02	98-99	2	13		82	KH-THAC	Russian
2	SERGIENKO S.E	VSP02	97	1	5	7	82	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN TIỀN HIỆP	VSP02	93	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	83	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUNG	VSP02	80	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH ANH BAO	VSP02	84	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	92	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	88	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	700	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH TRƯƠNG PHI	VSP02	81	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	38	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	82	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	42	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	85-86	2	15		93	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ DUY KHIÊM	VSP02	94-95	2	10		67	YTE	Vietnamese
18	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	43	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	36-37	2	6		94	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	90	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	99	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG NGOC ĐÔNG	VSP02	91	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	25	150	1.604	7	22		
TOTAL		22	25	150	1.604	7	22		
WEIGHT KG				150	1.604	7			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	TO: TD2 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - THU	ETA: 11:50
CAM-2			

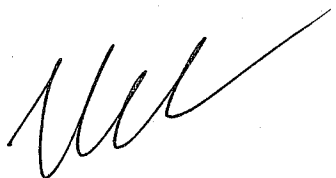
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I.	TD2	60	1	8		125	KHOAN	Russian
2	SOCHIVEX IGOR	TD2	56	1	8		96	KHOAN	Russian
3	PHAM VAN PHUONG HUNG	TD2	58	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN PHONG	TD2	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH VAN THUAN	TD2	53-54	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	TD2	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	DO BA NAM	TD2	59	1	10		87	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TUYEN	TD2	67	1	8		64	DVL	Vietnamese
9	PHAN THANH TAI	TD2	66	1	5		54	DVL	Vietnamese
10	LUONG NGOC HOANG	TD2	64-65	2	12		74	DVL	Vietnamese
11	VU HUU TAN	TD2	63	1	8		82	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LANG	TD2	61-62	2	20		59	T-TIN	Vietnamese
13	TO CONG TANH	TD2	57	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	TSOPANOV ALAN	RP1	11	1	8		98	KH-THAC	Russian
15	KOPOJYEB P. P.O.	RP1	12	1	8		76	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	25	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUANG TUNG	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	26-27	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CONG TOAN	RP1	29	1	7	28	90	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MANH HUNG	RP1	28	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN MINH HIEU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
22	TAO QUANG NGAN	RP1	23-24	2	11		53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	16	113	971	0	12		
2	RP1	9	9	47	668	28	10		
TOTAL		22	25	160	1.639	28	22		
WEIGHT KG				160	1.639	28			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

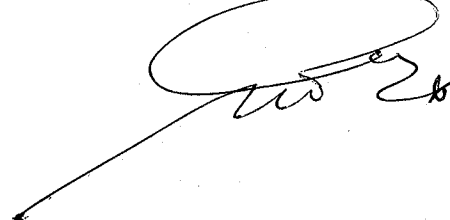
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: TD5 - RP1 - RC4	CREW: Linh - N.ANH - HIẾU	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKHIN ALEXANDR	TD5					98	KHOAN	Russian
2	HÀ THANH TÙNG	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	67	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUY	TD5	73	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC QUÂN	TD5	70	1	10	32	78	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	TD5	69	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH LONG	TD5	68	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO QUỐC UY	RP1	89-90	2	12	11	85	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	78	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BẮC HÀ	RP1	92	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	87	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG THẾ ANH	RP1	82	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	88	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	83	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUY	RP1	79-80	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN SỬU	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BÀ QUÝ	RP1	91	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	81	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY QUYỀN	RP1	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	84	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	PHẠM ĐÌNH VĂN	RP1	86	1	5		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	5	46	531	32	7		
2	RP1	15	15	92	1.086	11	11		
3	RC4	0	0	0	0	28	4		
TOTAL		22	20	138	1.617	71	22		
WEIGHT KG				138	1.617	71			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	TO: CTK3 - TD3 - P7	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: KHOAN - MTHAO - DTung	ETA: 14:05
CAM - 3			

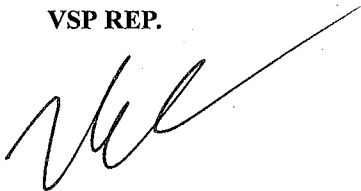
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH TUAN	CTK3	94	1	9	20	77	XAYLAP	Vietnamese
2	DO NGOC TAM	CTK3	64	1	12	7	83	XAYLAP	Vietnamese
3	TRUONG MINH THANG	CTK3	63	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LE DINH MINH	CTK3	58-59	2	16	38	52	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN DAU	CTK3	48,61	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM HONG PHUC	CTK3	18,51	2	26		61	XAYLAP	Vietnamese
7	HA DUC TUNG	CTK3	46	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	CHU TIEN DUNG	CTK3	56-57	2	10		86	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	TD3	57	1	6		79	YTE	Vietnamese
10	BUI VAN QUYET	TD3	49	1	9		89	KHOAN	Vietnamese
11	QUACH THE ANH	TD3	58	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE HUU HUNG	TD3	56	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DUNG	TD3	53	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
14	MAKAROV EVGENY	TD3	44	1	14		88	ANTOAN	Russian
15	LUONG XUAN DUOC	TD3	400	1	3		69	PSV	Vietnamese
16	DO XUAN CHINH	TD3	59-60	2	9		66	PSV	Vietnamese
17	TRAN QUANG PHUC	TD3	46	1	5		53	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN	TD3	45	1	3		73	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THE TRA	TD3	47-48	2	17		67	SCHLUMBE	Vietnamese
20	PHAM VAN THAI	TD3	54-55	2	17		83	SCHLUMBE	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THONG	TD3	50-51	2	14		63	SCHLUMBE	Vietnamese
22	VAN TUAN DUNG	TD3	52	1	3		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	12	121	567	65	3		
2	TD3	14	18	133	1.003	0	9		
3	P7	0	0	0	0	11	10		
TOTAL		22	30	254	1.570	76	22		
WEIGHT KG				254	1.570	76			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: RC5 - RP3	CREW: HUNG - HTrung - Thành	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THỌ	RC5	32-33	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH HOÀNG	RC5	69	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUYÊN	RC5	70	1	6	30	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LINH	RC5	72	1	11	30	59	XAYLAP	Vietnamese
5	NINH VĂN SƠN	RC5	19	1	11	70	72	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI TRUNG SƠN	RC5	68	1	7		69	PSV	Vietnamese
7	ĐO XUÂN HẬU	RC5	34	1	5		69	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	53	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TỰ HAI	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	54	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC HUY	RP3	57	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ THANH LONG	RP3	52	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THĂNG	RP3	07	1	11		92	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	55-56	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THẾ PHONG	RP3	80	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỒNG HOÀNG ĐỨC	RP3	58	1	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MINH	RP3	08	1	15	20	87	T-TIN	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HUY	RP3	51	1	15		61	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	8	67	478	130	4		
2	RP3	12	11	97	861	35	18		
TOTAL		19	19	164	1.339	165	22		
WEIGHT KG				164	1.339	165			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2023	TO: RC10 - RC6 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - HIẾU	ETA: 16:20
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC ANH	RC10	32	1	17	28	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ANH	RC10	31	1	12	25	65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	96	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÂN	RC6	97-98	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ NGỌC BÈN	RC6	99	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT HUÂN	RC6	94	1	13	48	72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HIẾU	RC6	2000	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THAI THANH	RC6	33,34	2	16	30	75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	RC6	92	1	7	18	68	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	95	1	10		71	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	06-07	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	02	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	59,75	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	03,05	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	01	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
16	ROGINSKIY DMITRY	VSP02	74	1	10		91	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	2	2	29	140	53	0		
2	RC6	8	10	92	592	96	12		
3	VSP02	6	9	56	456	0	10		
TOTAL		16	21	177	1.188	149	22		
WEIGHT KG				177	1.188	149			

GRAND TOAL: 1.514 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



(pilot lấy rồi)